

Số: /BC-VKSTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

### **Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đột phá theo Chỉ thị công tác năm 2023 của Viện trưởng VKSND tối cao về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân**

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân (KSND) năm 2023 trong đó xác định rõ “*Toàn ngành Kiểm sát nhân dân xác định năm 2023 là năm đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân. Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị trong toàn Ngành rà soát, đánh giá đúng thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị, đề xuất và kiến nghị những yêu cầu đối với nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm tốt nhất cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, công tác số hóa và lưu trữ hồ sơ, công tác trợ lý ảo trong cung cấp thông tin, các phần mềm quản lý các lĩnh vực công tác và phân đấu ứng dụng phòng họp không giấy*”.

Trên cơ sở đó Viện KSND tối cao đã yêu cầu Viện KSND các cấp ban hành kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện với nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân. Viện KSND tối cao Báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đột phá theo Chỉ thị công tác năm 2023 của Viện trưởng VKSND tối cao về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân như sau:

#### **I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

##### **1. Về thể chế, hành lang pháp lý và công tác chỉ đạo, điều hành**

Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành:

- Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin của ngành Kiểm sát nhân dân<sup>1</sup> đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Viện trưởng VKSND tối cao tổ chức Lễ ký kết hợp tác chiến lược về chuyển đổi số giữa ngành Kiểm sát nhân dân và Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT)<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Quyết định số 359/QĐ-VKSTC ngày 05/12/2022.

<sup>2</sup> Văn bản số 7154/2023/TTHT/VKSTC-VNPT ngày 26/9/2023 giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về chuyển đổi số giai đoạn 2023-2027.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của ngành Kiểm sát nhân dân<sup>3</sup>; Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành KSND; dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số; Quy chế hoạt động của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số;

- Quyết định về thành lập Tổ công tác thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” của ngành Kiểm sát nhân dân<sup>4</sup>.

- Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2) đã tham mưu cho Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngành Kiểm sát nhân dân năm 2024. Trong đó, mục tiêu xuyên suốt là hướng tới đưa 100% hoạt động của ngành Kiểm sát nhân dân lên môi trường mạng (ngoại trừ các nội dung hoạt động, tài liệu thuộc cấp độ mật theo quy định của Nhà nước). Kế hoạch đã hoàn thiện và xin ý kiến Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Kiểm sát nhân dân, hiện đang trình Viện trưởng VKSND tối cao ban hành.

- Cục 2 đã tham mưu cho Lãnh đạo VKSND tối cao ban hành Quy chế sử dụng phần mềm dùng chung trong ngành KSND: đã có báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, hiện đang trình Lãnh đạo VKSND tối cao ký ban hành.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục 2 ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin (Kế hoạch chuyển đổi số ngành Kiểm sát nhân dân đã trình Viện trưởng VKSND tối cao) và Hướng dẫn công tác công nghệ thông tin năm 2023 của ngành KSND. Đối với VKS địa phương hầu hết VKSND các tỉnh ban hành Kế hoạch công tác kiểm sát, trong đó lồng ghép Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về Công nghệ thông tin (CNTT)<sup>5</sup> năm 2023; Một số đơn vị ban hành Kế hoạch riêng thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về CNTT trong năm 2023 (*VKSND tỉnh Sơn La, Bình Phước, Hải Dương, Tuyên Quang, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Hậu Giang, Quảng Nam, VKSND cấp cao tại Hà Nội, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng*).

Nhiều đơn vị đã thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số của VKSND tỉnh (*Phú Yên, Ninh Thuận, Ninh Bình, Long An, Lào Cai, Lai Châu, Kiên Giang, TP. Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, Vĩnh Long, Quảng Trị, Bắc Kạn, Sơn La, Quảng Ninh, Hải Dương, TP. Hà Nội, Nam Định, Bình Dương, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Định, Bình*

<sup>3</sup> Quyết định số 390/QĐ-VKSTC ngày 30/10/2023 của Viện trưởng VKSND tối cao về Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số của ngành KSND.

<sup>4</sup> Quyết định số 328/QĐ-VKSTC ngày 12/9/2023.

<sup>5</sup> Có 02 VKSND cấp tỉnh không ban hành Kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về CNTT: VKSND tỉnh Lạng Sơn, VKSND tỉnh Kon Tum;

*Thuận, TP. Cần Thơ, Bình Phước, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Nai, Tuyên Quang, VKSND cấp cao tại Hà Nội, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng.* Ban Chỉ đạo VKS địa phương đã có những chỉ đạo sâu sát về việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực công tác điển hình Ban hành các văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số; Đầu tư mua sắm và phân bổ trang thiết bị để thực hiện việc tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện. Một số đơn vị ban hành Nghị quyết về thúc đẩy ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số (VKSND tỉnh Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng).

Trên cơ sở “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin của ngành KSND đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã được ban hành và các văn bản khác, VKSND các địa phương đã triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn, quy định, quy chế về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Đảng, Chính phủ, VKSND tối cao và các bộ ngành có liên quan. Đồng thời, để thực hiện theo đúng quy định, quy trình về một số khâu công tác nghiệp vụ, một số đơn vị đã ban hành các văn bản về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số điển hình như:

- Quy định Quản lý và sử dụng mạng internet trong ngành Kiểm sát tỉnh (*Bắc Kạn, TP. Cần Thơ, Sơn La, Hải Dương*);

- Ban hành Quy định về Quản lý sử dụng chữ ký số và ký số các văn bản điện tử không mật trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành (*VKSND tỉnh Tây Ninh, Bắc Ninh*);

- Ban hành Quy chế về việc Số hóa hồ sơ vụ án hình sự; vụ án hành chính, vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật tại Viện kiểm sát nhân dân hai cấp (*VKSND tỉnh Hậu Giang*);

- Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hồ sơ, tài liệu đã số hóa trong hoạt động nghiệp vụ (*VKSND TP. Cần Thơ*); Quy định về việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin trong ngành Kiểm sát (*VKSND tỉnh Hà Tĩnh*);

- Quy chế về quản lý và sử dụng các phần mềm ứng dụng và hộp thư điện tử; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử của VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh.

## **2. Về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành**

Ngày 31/8/2023, VKSND tối cao đã ban hành Kế hoạch số 167/KH-VKSTC thực hiện thí điểm mô hình chuyển đổi số tại Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin với mục tiêu chung là Cục 2 trở thành đơn vị đi đầu, dẫn

dắt công cuộc chuyển đổi số của ngành Kiểm sát nhân dân, trong đó Cục 2 đã triển khai thực hiện: (1) 100% các văn bản hành chính (không mật) của Cục 2 đều được lãnh đạo Cục trực tiếp ký số và phát hành thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của ngành Kiểm sát nhân dân; (2) 100% các cuộc họp đảng, chính quyền đều chuyển tài liệu thông qua nền tảng phòng họp không giấy đang được thí điểm triển khai tại Cục 2; (3) 100% lịch họp của Cục được cập nhật trên phần nền tảng phòng họp không giấy; (4) 100% công chức của Cục 2 đã được định danh điện tử thống nhất dựa trên số căn cước công dân; (5) Nền tảng phòng họp không giấy được triển khai thí điểm tại Cục 2 giúp công tác quản lý kế hoạch công tác (lịch họp của Cục) và đồng thời có tính năng gửi tài liệu, phục vụ việc họp không giấy; (6) Mô hình phòng họp thông minh đã được Cục 2 thiết lập, kết hợp với việc sử dụng thí điểm nền tảng phòng họp không giấy.

Đối với VKSND các cấp hầu hết các đơn vị sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống Thư điện tử công vụ,... giúp lãnh đạo, công chức thao tác và xử lý văn bản của đơn vị. Tiết kiệm chi phí thư tín, điện thoại, in ấn, sao chép, không gian lưu trữ, hướng đến một hệ thống thông tin đồng nhất. Để bảo đảm 100% văn bản được phát hành trên phần mềm, trừ văn bản bí mật nhà nước và văn bản đặc thù khác. VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện thực hiện song song phần mềm hệ thống văn bản quản lý chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và phần mềm của VKSND tối cao tích hợp chữ ký số bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi trên môi trường mạng (*VKSND tỉnh Vĩnh Phúc, Yên Bái, Bắc Giang, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Thái Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Kiên Giang, Hải Phòng, Sơn La, Nam Định, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Quảng Ngãi, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu...*).

Hệ thống thư điện tử nội bộ ngành Kiểm sát triển khai toàn ngành đã cấp trên 13.000 tài khoản để trao đổi thông tin giữa các cấp kiểm sát, các văn bản không mật của các cấp kiểm sát đều được trao đổi qua hệ thống này, định kỳ rà soát, xóa các tài khoản không sử dụng (các trường hợp đã nghỉ hưu, chuyển công tác,...) để tránh quá tải số lượng tài khoản trên hệ thống. Một số đơn vị sử dụng 2 phần mềm hệ thống thư điện tử nội bộ ngành Kiểm sát và phần mềm thư điện tử của sở thông tin (*VKSND tỉnh Phú Thọ, Hà Nội, Nam Định, Long An, VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh...*).

Phần mềm Sổ tay Đảng viên điện tử thực hiện sinh hoạt Chi bộ định kỳ hàng tháng và học tập Nghị quyết của các cấp ủy (*VKSND tỉnh Thái Bình, Lai Châu, VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh...*).

Trang tin điện tử của VKSND tỉnh có chuyên mục về Chuyển đổi số nhằm tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT, chuyên

đổi số trong đơn vị. Qua đó các đơn vị đã đổi mới cách tiếp cận và hoạt động hàng ngày bằng nền tảng số hiện có như: ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác mở sổ theo dõi, khóa sổ tổng hợp số liệu, phối hợp liên ngành trong công tác thống kê liên ngành.

VKSND tối cao triển khai thí điểm nền tảng phòng họp không giấy tại Cục 2 giúp công tác quản lý kế hoạch công tác (lich họp của Cục) và đồng thời có tính năng gửi tài liệu, phục vụ việc họp không giấy. Việc tổ chức các cuộc họp không giấy sẽ khắc phục việc sử dụng văn bản giấy tờ hành chính, giúp tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian chuẩn bị tổ chức các cuộc họp, nâng cao hiệu quả công việc trong đó Cục 2 cũng triển khai 100% các cuộc họp đảng, chính quyền đều chuyển tài liệu thông qua nền tảng phòng họp không giấy và 100% lịch họp của Cục được cập nhật trên phần nền tảng phòng họp không giấy. Một số đơn vị sử dụng phần mềm phòng họp không giấy của UBND tỉnh (*VKSND tỉnh Kiên Giang, Hậu Giang, Bến Tre, Tiền Giang*).

Đối với VKSND các cấp: nhiều đơn vị đã triển khai các file báo cáo, tài liệu liên quan trong các cuộc họp dưới dạng Pdf hoặc Word, Excel,... trong các cuộc họp giao ban tuần, quý, các Hội nghị hoặc các đường link liên kết đối với các tài liệu của VKSND tối cao xây dựng đến VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện thông qua email, ứng dụng mã QR-Code để tích hợp tất cả tài liệu (không phải tài liệu mật) hoặc các công cụ khác để thực hiện việc phòng họp không giấy. (*VKSND TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Giang, Gia Lai, Nam Định, Trà Vinh...*).

Về báo cáo án bản sơ đồ tư duy: trong năm 2023, các đơn vị tập trung đẩy mạnh việc thực hiện báo cáo án bằng sơ đồ hóa tư duy đối với các vụ hình sự, án dân sự, hành chính cho VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện. Việc xây dựng sơ đồ tư duy trong giải quyết công việc là một phương pháp khoa học, sơ đồ tư duy giúp kết nối, lưu trữ, sắp xếp thông tin và xác lập thông tin theo mô hình đồ họa. Ứng dụng vẽ sơ đồ tư duy trong báo cáo án đã hỗ trợ tốt cho Kiểm sát viên tóm tắt ngắn gọn toàn bộ hồ sơ vụ án, giúp cho việc báo cáo án của Kiểm sát viên xúc tích, thông qua sơ đồ dễ dàng nắm bắt toàn bộ nội dung của vụ việc. Hầu hết các đơn vị đã thực hiện hướng dẫn công cụ Phần mềm sơ đồ hoá tư duy phục vụ trình chiếu, giải quyết án của Cục 2, Vụ 2, Vụ 3 VKSND tối cao hướng dẫn: như thực hiện xây dựng Sơ đồ tư duy trong báo cáo án bằng phần mềm Xmind, kết quả VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện đã triển khai xây dựng sơ đồ tư duy đối với vụ án có hình sự, dân sự tính chất phức tạp, nhiều đối tượng,... Đồng thời, nhiều đơn vị đã phối hợp với Trường Đại học kiểm sát Hà Nội tổ chức “*Tập huấn kỹ năng xây dựng, ứng dụng sơ đồ tư duy trong kiểm sát giải quyết vụ án hình sự, vụ án dân sự, hành chính*” đối với các đồng chí Lãnh đạo, Kiểm sát viên, Chuyên viên VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện qua đó

nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm (VKSND tỉnh Quảng Ninh, Trà Vinh, Tiền Giang, Tây Ninh, Sóc Trăng, Phú Yên, TP. Hải Phòng, Hà Nam, Vĩnh Long, TP. Hà Nội, Khánh Hòa, Bến Tre, Đắk Nông, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh...). Trong đó, nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả ứng dụng công nghệ vào hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, VKSND tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng Quyết định, Kế hoạch và tổ chức cuộc thi “*Báo cáo án bằng sơ đồ*” trong lĩnh vực hình sự với 02 vòng thi cho 85 KSV sơ cấp và 16 đội thi là các đơn vị thuộc VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện.

Về công tác số hóa và lưu trữ hồ sơ: công tác số hóa hồ sơ được VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện rất quan tâm, nhiều đơn vị đã có nhiều giải pháp để thực hiện như Scan các tài liệu, số hóa hồ sơ vụ án sau đó chuyển thành file Pdf hoặc một số phần mềm số hóa khác (VKSND tỉnh Yên Bái, Tp. Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Sơn La,...). Điển hình, VKSND Tp. Hà Nội đã tiến hành đợt số hóa tài liệu lần thứ 6 với 2,6 triệu trang tài liệu, qua đó nâng tổng số trang tài liệu đã số hóa của cấp thành phố lên hơn 04 triệu trang; VKSND tỉnh Quảng Ninh thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ, trình chiếu tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh tại phiên tòa, đơn vị đã đồng bộ nguồn dữ liệu xây dựng phần mềm Quản lý hồ sơ điện tử chung toàn tỉnh. Đồng thời xây dựng quy định liên thông giữa lưu trữ hồ sơ điện tử và lưu trữ hồ sơ giấy truyền thống, phục vụ tốt cho việc tra cứu, khai thác hồ sơ. VKSND tỉnh Vĩnh Long hồ sơ sau khi xét xử xong các đơn vị số hóa và gửi về máy chủ VKSND tỉnh để lưu trữ qua đường truyền số liệu chuyên dùng của Ủy ban nhân dân tỉnh. VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện Kiên Giang thực hiện việc số hóa 415 hồ sơ án hình sự, 615 hồ sơ án dân sự - hành chính, 01 hồ sơ thi hành án dân sự, 05 hồ sơ khiếu nại, tố cáo; 2.095 văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành của đơn vị; 268 hồ sơ công chức và người lao động ở VKSND cấp tỉnh.

VKSND tỉnh Quảng Ninh đi đầu triển khai khai thác phần mềm “Trợ lý ảo” của ngành Tòa án, đồng thời đơn vị chủ động nghiên cứu, xây dựng phần mềm “Trợ lý ảo” của VKSND tỉnh phục vụ trong chỉ đạo, điều hành và hệ thống hóa các văn bản của Ngành, các văn bản rút kinh nghiệm về nghiệp vụ, các tài liệu nghiệp vụ mẫu...nhằm phục vụ tốt cho việc áp dụng pháp luật chính xác và hiệu quả. VKSND tỉnh Quảng Ninh đã tận dụng trang thiết bị hiện có, đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ để thí điểm triển khai xây dựng phòng hỏi cung có trang bị ghi âm, ghi hình có âm thanh tại VKSND thành phố Cẩm Phả, và 20 bộ thiết bị hỏi cung, lấy lời khai có ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh di động bằng nguồn kinh phí hỗ trợ của địa phương.

Nhiều đơn vị đã chủ động nghiên cứu, xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết, kỷ niệm thành lập Ngành... bằng video clip sử dụng các phần mềm, công cụ với

giọng đọc trí tuệ nhân tạo, qua đó thể hiện trực quan, sinh động những kết quả công tác đã đạt được, những mặt hạn chế giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Viện được nhanh chóng, kịp thời.

Thực hiện vận hành, khai thác, bảo đảm kỹ thuật, đường truyền phục vụ 1810 hội nghị, cuộc họp trực tuyến; phục vụ các cuộc họp của Lãnh đạo VKSND tối cao, các đơn vị thuộc VKSND tối cao; phiên tòa rút kinh nghiệm trực tuyến của các đơn vị, địa phương<sup>6</sup>. VKSND các địa phương đã phối hợp thực hiện tốt, triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến, Kết nối các phiên tòa trực tuyến từ phòng xét xử đến hội trường trực tuyến VKSND cấp tỉnh thông qua hệ thống trực tuyến của Tòa án.

### **3. Về triển khai các nhiệm vụ cụ thể**

3.1. Tham mưu xây dựng nền tảng quản lý án hình sự ngành Kiểm sát nhân dân. Đây là nền tảng chuyên đổi số căn bản, đặc biệt quan trọng của Ngành. Nền tảng này thiết kế đến tất cả các khâu liên quan đến án hình sự giúp cho kiểm sát viên các cấp thao tác trực tiếp trên nền tảng phần mềm trong quá trình thực hiện công tác nghiệp vụ liên quan tới từng vụ án hình sự, bảo đảm điện tử hóa các khâu nghiệp vụ. Để bảo đảm hiệu quả, an toàn thông tin dự kiến ứng dụng này sẽ được chạy trên hạ tầng mạng diện rộng (WAN) của ngành Kiểm sát nhân dân, không kết nối internet và sử dụng giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ.

#### **3.2 Phối hợp triển khai dự án Ứng dụng CNTT trong ngành KSND**

Cục 2 đã phối hợp với Văn phòng VKSND tối cao, đơn vị liên doanh nhà thầu thực hiện khảo sát lên phương án lắp đặt, cài đặt triển khai các thiết bị, phần mềm thuộc phạm vi của dự án; cung cấp các thông tin phục vụ việc lắp đặt, cài đặt, triển khai tích hợp các thiết bị, phần mềm thuộc phạm vi của dự án; phối hợp cùng đơn vị chức năng kiểm tra an toàn thông tin đảm bảo theo quy định; tiếp nhận các thiết bị, phần mềm thuộc phạm vi dự án của hệ thống; ký biên bản bàn giao thiết bị trong phạm vi quản lý về chuyên môn của đơn vị.

3.3 Dự án “Cơ sở vật chất, kỹ thuật thực hiện ghi âm, ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2021-2024”

Cục 2 đã cử công chức tham gia Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ghi âm ghi hình tại Quyết định số 169/QĐ-VKSTC ngày 05/5/2023 của Viện trưởng VKSND tối cao. Ngày 28/9/2023 Văn phòng VKSND tối cao đã ban hành Quyết định số 120/QĐ-VP về việc phê duyệt dự án

<sup>6</sup> Gồm: VKSND tối cao 72 cuộc và VKSND cấp cao 25 cuộc; VKSND cấp tỉnh 1596 cuộc; VKS quân sự 117 cuộc.

ghi âm ghi hình và cử công chức tham gia tổ thẩm định Thiết kế thi công và tổng dự toán. Tại Quyết định số 286/QĐ-VP ngày 28/9/2023 về việc thành lập Tổ thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán Dự án ghi âm ghi hình, trên có sở ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ đầu tư đã phê duyệt Thiết kế thi công & tổng dự toán. Văn phòng VKSND tối cao hiện nay đang thực hiện các bước tiếp liên quan đến Dự án này.

3.4 Về các hạng mục đầu tư về ứng dụng CNTT năm 2023 (từ nguồn chi thường xuyên)

Cục 2 tham gia thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết<sup>7</sup> dự án xây dựng các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023 bao gồm: Nâng cấp hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến trong ngành KSND; Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Nâng cấp hệ thống Quản lý nhân sự; Bảo trì hệ thống thông tin tại VKSNDTC; Kiểm tra đánh giá an toàn thông tin mạng cho toàn bộ hệ thống; Nâng cấp Khung kiến trúc Viện kiểm sát điện tử 2.0.

3.5 Thực hiện Đề án 06 phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ.

(1) Về phối hợp xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Tham gia cùng Tổ giúp việc của Văn phòng, xây dựng Báo cáo chủ trương đầu tư dự án để thực hiện Đề án 06 trong ngành KSND. Cục 2 đã chuyển dự thảo Báo cáo cho Tổ công tác Đề án 06 để xin ý kiến góp ý; sau đó sẽ xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan.

(2) Hồ sơ đề xuất cấp độ bảo mật (cấp độ 3)

Để kết nối với Đề án 06, bắt buộc ngành Kiểm sát nhân dân phải phê duyệt hồ sơ cấp độ, tối thiểu là cấp độ 3.

Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, liên quan đến nhiều nội dung về bảo mật hệ thống thông tin, Cục 2 đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ bảo mật cho Trung tâm dữ liệu của VKSND tối cao. Ngày 17/10/2023, Cục 2 đã tham mưu Lãnh đạo VKSND tối cao phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 đối với Trung tâm dữ liệu của VKSND tối cao (Quyết định số 369/QĐ-VKSTC về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin).

- Kết quả việc phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin của VKSND cấp tỉnh/cấp huyện: Đã phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ bảo mật (VKSND tỉnh Bắc Ninh); đã hoàn thành hồ sơ đề xuất đang được phê duyệt (VKSND TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng).

<sup>7</sup> Báo cáo kết quả thẩm định đề cương và dự toán chi tiết số 557/BC-C2 ngày 31/10/2023



Cục 2 đang triển khai theo yêu cầu Công văn số 1552/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền Thông về các giải pháp, an toàn, an ninh mạng trong đó phải đáp ứng 13 hạng mục an toàn thông tin trong đó có 04 hạng mục VKSND tối cao đã đáp ứng. Các hạng mục khác Cục 2 đang đề nghị Cục An toàn thông tin, Bộ TT&TT và tập đoàn VNPT hỗ trợ.

(3) Về kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về cán bộ, công chức viên chức (CBCCVC)

Ngày 29/6/2023, VKSND tối cao đã có Công văn số 2574/VKSTC-C2 về việc kết nối chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC gửi Trung tâm thông tin, Bộ Nội vụ và Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị đơn vị cấp cặp khóa (consumer\_key và secret\_key) và khóa AuthHash phục vụ cho việc thử nghiệm và triển khai chính thức đồng bộ cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của Ngành; cung cấp cho đơn vị xây dựng phần mềm các trường dữ liệu (Căn cước công dân, Họ tên, Ngày sinh, Loại hồ sơ, Đơn vị quản lý, Đơn vị sử dụng, Giới tính) theo yêu cầu của Vụ 15 để thực hiện đồng bộ dữ liệu lên trực dữ liệu quốc gia; Phối hợp với VNPT thiết lập, cấu hình hệ thống tại Trung tâm dữ liệu VKSND tối cao. Phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia, Cục Bưu điện Trung ương, Trung tâm công nghệ thông tin Bộ Nội vụ và đơn vị xây dựng phần mềm kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu lên trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và đồng bộ dữ liệu về cán bộ công chức với Bộ Nội vụ; ngày 03/7/2023, Cục 2 đã phối hợp với đơn vị xây dựng phần mềm, Vụ 15 đã hoàn thành đối khớp, xác thực các trường dữ liệu theo quy định với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đồng bộ dữ liệu với Bộ Nội Vụ. Kết quả tổng số hồ sơ cán bộ công chức viên chức của ngành Kiểm sát đã được đồng bộ tự động lên cơ sở dữ liệu quốc gia qua trục NDXP khoảng 10.000 hồ sơ tính đến hết ngày 03/7/2023.

VKSND các cấp đã tích cực nhập thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức được xác nhận, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu nhân sự đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin và quản lý theo phân cấp, kịp thời cập nhật thông tin, dữ liệu khi có thay đổi.

### 3.6 Quản lý vận hành Hệ thống công nghệ thông tin của ngành KSND

- Ngày 30/6/2023 Hợp đồng “cung cấp và lắp đặt kênh truyền Internet kết nối Trung tâm tích hợp dữ liệu và kết nối giao ban trực tuyến với 67 điểm cầu tại VKSND các địa phương” giữa VKSND tối cao và Tập đoàn Viettel hết hạn. Ngày 01/7/2023, Cục 2 đã phối hợp với Tập đoàn VNPT thực hiện khai báo và thông kênh truyền Internet, kiểm tra hệ thống cáp quang tại tòa nhà, thiết lập, cài đặt thông kênh internet. Ngày 02/7/2023, Cục 2 đã phối hợp VNPT cấu hình hệ thống cho Trung tâm dữ liệu, các hệ thống ứng dụng tại Trung tâm dữ liệu trong ngành Kiểm sát nhân dân; kiểm tra, cài đặt hệ thống an toàn an ninh thông tin trong ngành Kiểm sát nhân dân. Ngày 3/7/2023 đã hoàn thành thông kênh truyền lên hệ thống tại VKSND tối cao.

- Thực hiện vận hành, khai thác, bảo đảm kỹ thuật, đường truyền phục vụ 1810 hội nghị, cuộc họp trực tuyến; phục vụ các cuộc họp của Lãnh đạo VKSND tối cao, các đơn vị thuộc VKSND tối cao; phiên tòa rút kinh nghiệm trực tuyến của các đơn vị, địa phương<sup>8</sup>.

#### **4. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong đơn vị và phong trào thi đua**

Các đơn vị, VKSND các cấp tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức, người lao động về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số là nhiệm vụ xuyên suốt được lãnh đạo Viện, Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin quan tâm là nhiệm vụ chính trị phải thực hiện. Trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, Lãnh đạo Viện các cấp đã tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các đơn vị, các Phòng, VKSND cấp huyện và công chức về vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động của ngành Kiểm sát và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được. Đặc biệt, là trong thời đại công nghệ 4.0 tội phạm về công nghệ cao ngày càng tinh vi, luôn thay đổi hình thức phạm tội, do đó yêu cầu mỗi Kiểm sát viên phải tự trao dồi, học tập nâng cao trình độ CNTT nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết vụ án hình sự liên quan tội phạm về công nghệ cao.

Kết quả phát động phong trào thi đua, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân điển hình về đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong đơn vị và các sáng kiến đề xuất nhân rộng trong toàn Ngành. Trên tinh thần hướng dẫn Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023. VKSND các cấp đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch phát động thi đua của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

## **II. HIỆN TRẠNG**

### **1. Về nền tảng pháp lý**

Trong nhiều năm qua, Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành nhiều văn bản để đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin cụ thể:

- Chỉ thị số 03/CT-VKSTC ngày 17/5/2021 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân.

- Quyết định số 359/QĐ-VKSTC ngày 02/12/2022 Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin của ngành Kiểm sát nhân dân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>8</sup> Gồm: VKSND tối cao 72 cuộc và VKSND cấp cao 25 cuộc; VKSND cấp tỉnh 1596 cuộc; VKSQS 117 cuộc.

Các chỉ thị công tác hằng năm của Viện trưởng VKSND tối cao đều nhấn mạnh “...Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của ngành Kiểm sát nhân dân và bảo đảm nguồn lực để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới...”; “Toàn ngành Kiểm sát nhân dân xác định năm 2023 là năm đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Ngành Kiểm sát nhân dân. Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị trong toàn Ngành rà soát, đánh giá đúng thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị, đề xuất và kiến nghị những yêu cầu đối với nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm tốt nhất cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, công tác số hóa và lưu trữ hồ sơ, công tác trợ lý ảo trong cung cấp thông tin, các phần mềm quản lý các lĩnh vực công tác và phấn đấu ứng dụng phòng họp không giấy...”. Ngoài ra, tại các cuộc họp của Ban cán sự đảng VKSND tối cao, đồng chí Bí thư Ban cán sự đảng, Viện trưởng VKSND tối cao đã luôn quan tâm chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin “ *Cần nhận thức yêu cầu ứng dụng CNTT, CDS trong Ngành là một khâu đột phá, trọng tâm và phải thực hiện cho bằng được trong thời gian tới...* ” (theo Nghị quyết số 62-NQ/CCSD của Ban cán sự đảng VKSND tối cao ngày 30 tháng 11 năm 2022)....

Có thể nói, hiện nay các văn bản pháp luật về chủ trương, phương hướng được quy định làm cơ sở pháp lý để triển khai ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý chỉ đạo và công tác nghiệp vụ của Ngành và tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc triển khai xây dựng Viện kiểm sát số. Tuy nhiên, việc chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, quản lý đối với từng lĩnh vực công tác của Viện kiểm sát chưa được quan tâm triển khai thực hiện, nhiều quy chế, quy trình nghiệp vụ hiện nay chỉ phù hợp với phương thức quản lý theo hình thức thủ công, chưa tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi số.

## **2. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin.**

Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin đã được đầu tư, trang bị tương đối đầy đủ, nhất là ở VKSND tối cao trong đó Trung tâm dữ liệu VKSND tối cao (máy chủ vật lý, hệ thống an toàn an ninh; Cơ sở dữ liệu; Hệ thống lưu trữ; Hệ điều hành mạng); Ở các VKSND cấp tỉnh thì hầu hết máy chủ đã cũ, hết khấu hao, VKSND cấp huyện chưa có máy chủ (*kèm theo Phụ lục Hiện trạng CNTT tại các Viện kiểm sát địa phương*).

*Về hạ tầng kết nối mạng:* Tại Trung tâm dữ liệu VKSND tối cao được đầu tư các thiết bị mạng cơ bản; Hệ thống mạng LAN được thiết lập tại VKSND tối cao, Cơ quan điều tra, Báo Bảo vệ pháp luật, Tạp chí Kiểm sát, các VKSND cấp cao, các VKSND cấp tỉnh, một số VKSND cấp huyện; phạm vi kết nối trong nội bộ đơn vị. Đường truyền số liệu: Trung tâm dữ liệu VKSND tối cao được trang bị đường truyền số liệu cao phục vụ cho Hệ thống truyền hình hội nghị và các ứng dụng dùng chung trong Ngành. Các thiết bị trên chưa có hệ thống dự phòng (hệ thống sẵn sàng dịch vụ).

Hạ tầng CNTT đóng vai trò quan trọng, là nền tảng cho việc phát triển các ứng dụng CNTT phục vụ kiện Viện kiểm sát số, tuy nhiên để đáp ứng ngày càng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Ngành, hạ tầng CNTT đặc biệt phục vụ số hóa và các nhiệm vụ khác còn thiếu và yếu chưa đáp ứng được yêu cầu như: hệ thống lưu trữ còn thiếu, tốc độ chậm; đường truyền dữ liệu băng thông thấp; Hệ thống mạng nội bộ, phòng máy chủ của địa phương chưa được đầu tư theo đúng tiêu chuẩn quy định. Các thiết bị phần lớn đã khá cũ, một số máy móc thiết bị đã hết khấu hao, hay hỏng hóc, hoạt động không ổn định; việc bảo trì, bảo dưỡng chưa được thực hiện thường xuyên; việc sửa chữa, thay thế có lúc chưa kịp thời.

### **3. Về hạ tầng an toàn thông tin**

Hệ thống bảo mật tại Trung tâm dữ liệu đã được đầu tư và đã được cấu hình để bảo vệ các ứng dụng dùng chung toàn Ngành. Năm 2021, Trung tâm dữ liệu VKSND tối cao được trang bị giải pháp giám sát tập trung và điều phối phản ứng sự cố an toàn thông tin trong đó có: tích hợp giải pháp thu thập, quản lý tập trung và phân tích dữ liệu an ninh, an toàn thông tin - SIEM, tích hợp giải pháp thu thập các mối đe dọa trên không gian mạng Threat intelligence, tích hợp giải pháp điều phối phản ứng đảm bảo an toàn thông tin tự động, tích hợp module Vulnerability Assessment giúp rà quét tự động lỗ hổng bảo mật. VKSND tối cao đã triển khai phương án bảo mật kênh truyền cho việc truyền số liệu thống kê, truy cập một số ứng dụng nội bộ đến cấp tỉnh (phần mềm quản lý nhân sự, hệ thống thư điện tử,...), phương án bảo mật đường truyền số liệu từ VKSND cấp huyện lên VKSND cấp tỉnh chưa được đồng bộ.

Hệ thống hội nghị truyền hình của ngành Kiểm sát nhân dân đến cấp huyện (hơn 800 điểm cầu) được cài đặt trên hệ thống máy chủ, thiết bị mạng và kênh truyền riêng và được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền. Các đơn vị được cấp tài khoản mới được phép truy cập. Trong phần mềm họp trực tuyến cũng có chức năng mã hóa khi họp. Tuy nhiên, hệ thống mã hoá này sẵn có của sản phẩm không có giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ.

Các máy tính tại VKSND được cài đặt phần mềm Giải pháp phòng chống mã độc và quản trị tập trung tại máy trạm (CMC Malware Detection and Defence).

Việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng ngành KSND đã cơ bản đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Chỉ thị của Viện trưởng về Quy chế về an toàn an ninh thông tin. Tuy nhiên, hiện nay nguy cơ bị xâm nhập, tin tặc tấn công, phá hoại, lộ lọt thông tin là rất cao. Việc theo dõi quản lý giám sát hệ thống mạng tại VKSND tối cao cũng như toàn Ngành vẫn thực hiện thủ công, chưa có phòng giám sát điều hành (NOC), phòng giám sát an toàn thông tin (SOC).

#### 4. Về cơ sở dữ liệu và các phần mềm ứng dụng

Ngành kiểm sát nhân dân xây dựng, đưa vào sử dụng các hệ thống phần mềm ứng dụng nội bộ gồm

- *Các phần mềm, ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, gồm:* Phần mềm Truyền hình hội nghị, phần mềm Hệ thống quản lý Văn bản và Điều hành, hệ thống Thư điện tử công vụ, phần mềm quản lý Nhân sự, phần mềm quản lý công tác Thi đua khen thưởng, phần mềm quản lý công tác Thanh tra.

Trong đó: Phần mềm truyền hình hội nghị, bình quân mỗi năm phục vụ gần 2.000 cuộc họp, đảm bảo yêu cầu bảo mật vì thông tin được mã hóa. Nhìn chung, hệ thống truyền hình hội nghị đã phát huy hiệu quả tốt song cũng cần bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống truyền hình hội nghị, bổ sung thêm số lượng tài khoản (Vmeet), tăng điểm cầu, khi cần thiết có thể kết nối tới phòng làm việc của các đồng chí Lãnh đạo VKSND các cấp; đồng thời thiết lập phòng giám sát, hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến, thiết lập phòng giám sát, hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ngành đã góp phần hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và các hoạt động nghiệp vụ trong toàn Ngành. Phần mềm cho phép theo dõi công văn đến, công văn đi, công văn nội bộ, hồ sơ vụ việc, quá trình giải quyết của từng cán bộ, quy trình soạn thảo, ban hành công văn đi,... theo đúng yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông. Phần mềm này đã được liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia. Hàng năm có khoảng 500.000 văn bản được luân chuyển qua hệ thống này. Qua đó, công tác xử lý văn bản được nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm được chi phí văn phòng phẩm, bưu chính; Hệ thống Thư điện tử đã cấp 13.464 tài khoản cho các đơn vị và cán bộ trong toàn Ngành, lưu lượng bình quân mỗi ngày khoảng hơn 1.000 email (năm 2021 là 312.000 email; năm 2022 là 430.200 email). Mặc dù vậy, thực tế việc sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ngành đang sử dụng chủ yếu ở công tác văn thư, lưu chuyển văn bản, các đơn vị chưa thực hiện ký số trên hệ thống; Thư điện tử công vụ của Ngành chưa triệt để, còn nhiều đơn vị, cá nhân còn sử dụng Gmail, Yahoo...

- *Các phần mềm thống kê:* Triển khai ở cả 4 cấp Kiểm sát, cập nhật số liệu, lập 33 biểu thống kê và 10 phụ lục do VKSND tối cao ban hành. Các phần mềm thống kê đã được nâng cấp, chỉnh sửa nhiều lần khi có sự thay đổi, bổ sung do yêu cầu quản lý hoặc quy định của pháp luật có sự thay đổi. Hạn chế là chưa liên thông với phần mềm quản lý án để tự động kết xuất, tạo lập báo cáo thống kê.

- *Các phần mềm quản lý nghiệp vụ:* Văn phòng VKSND tối cao phối hợp Cục 2 đã triển khai thử nghiệm phần mềm quản lý sở thụ lý nghiệp vụ hình sự, đã thí điểm có 15 đơn vị trong toàn Ngành. Các đơn vị đã cập nhật đầy đủ 100% thông tin trên phần mềm, kết xuất được 37 sở thụ lý hình sự, liên thông với phần

mềm quản lý và thống kê án hình sự. Về cơ bản, phần mềm này đã xuất ra hầu hết các chỉ tiêu liên quan lĩnh vực hình sự (13 biểu thống kê hình sự).

- *Một số phần mềm, ứng dụng khác:* Cổng thông tin điện tử, Báo Báo vệ pháp luật điện tử, Tạp chí điện tử Kiểm sát, Trang thông tin điện tử (các VKSND cấp cao, VKSND tỉnh, thành phố), các phần mềm kế toán,...

Có thể nói, các phần mềm ứng dụng được xây dựng trong những năm qua đã phát huy được hiệu quả công việc trong ngành Kiểm kiểm sát nhân dân như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay đã bộc lộ nhiều nhược điểm. Do các phần mềm xây dựng tại nhiều thời điểm khác nhau, qua quá trình sử dụng đã bộc lộ hạn chế như: chưa được quan tâm cao của các đơn vị sử dụng khi tham gia khảo sát, nêu yêu cầu nghiệp vụ để xây dựng phần mềm; thiếu thiết kế thống nhất; thiếu khả năng liên thông, dữ liệu rời rạc; chưa cập nhật dữ liệu đầy đủ; chưa thuận lợi để khai thác, thiếu ổn định, khó có khả năng mở rộng, phát triển. Các phần mềm chưa đáp ứng được việc số hóa các quy trình quản lý, quy trình nghiệp vụ để hình thành lên một nền tảng số làm việc thống nhất cho cán bộ, công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân. Hàng năm chưa có đầy đủ kinh phí để bảo trì, bảo dưỡng. Mặt khác, tại một số đơn vị VKSND cấp tỉnh cũng tự xây dựng các phần mềm riêng để phục vụ quản lý tại đơn vị; các phần mềm này quy mô nhỏ, tinh bảo mật không cao và không có khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các ứng dụng dùng chung trong Ngành.

## 5. Về nguồn lực

- Hiện nay, kinh phí phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Ngành sử dụng từ các nguồn kinh phí đầu tư công, vốn chi thường xuyên và nguồn kinh phí hỗ trợ từ UBND tỉnh. Các đơn vị VKS địa phương sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, hầu như không có kinh phí cấp riêng cho lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Về cơ chế chính sách cho cán bộ chuyên trách về CNTT: Phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục 2 có 08 biên chế công nghệ thông tin nhưng hiện nay phải đảm nhiệm một khối lượng công việc rất lớn như: quản trị hệ thống mạng tại trụ sở VKSND tối cao với trên 2.000 nút mạng, quản lý các phần mềm dùng chung cho toàn ngành Kiểm sát nhân dân, quản trị hệ cơ sở dữ liệu tương đối lớn, duy trì các hệ thống an toàn an ninh, bảo mật hệ thống mạng, sửa chữa máy tính cho các cán bộ công chức, viên chức tại cơ quan VKSND tối cao (khoảng 1.000 cán bộ) và quản lý, vận hành hệ thống truyền hình hội nghị cho toàn Ngành kiểm sát nhân dân với trên 800 điểm cầu tham gia phiên họp... Ngoài ra, các cán bộ công nghệ thông tin của Cục 2 còn tham gia hướng dẫn các Viện kiểm sát địa phương triển khai các hệ thống công nghệ thông tin, kiểm tra giám sát việc thực hiện các phần mềm ứng dụng dùng chung trong Ngành. Mặc dù

vậy, các công chức chưa được đào tạo nâng cao về trình độ để nắm bắt kịp thời với các công nghệ hiện thời, chủ yếu vẫn phải tự học, trau dồi, nâng cao kiến thức để đáp ứng nhu cầu công việc nhưng vẫn còn hạn chế. Năm 2023, được sự quan tâm của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân, công chức phòng Công nghệ thông tin - Cục 2 đã được hỗ trợ cho công chức chuyên trách về CNTT theo Quyết định 189/QĐ-VKSTC ngày 06/11/2023 mỗi công chức trong được hỗ trợ là 1.000.000 đồng/tháng. Đối với VKSND địa phương hầu hết mỗi đơn vị chỉ có từ 01 đến 02 công chức chuyên trách về CNTT tuy nhiên cũng phải đảm nhiệm công việc lớn như vận hành hệ thống trực tuyến của đơn vị, hệ thống mạng, quản lý phần mềm và quản lý vận hành ổn định hệ thống trang thiết bị máy tính của cơ quan. Một số VKSND cấp tỉnh đã bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ có quy định chế độ cho cán bộ chuyên trách CNTT về bồi dưỡng cho cán bộ công nghệ thông tin (*VKSND tỉnh Sơn La, Kiên Giang, Bắc Kạn, Hải Dương, TP. Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Thuận, Thái Nguyên....*).

### **III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Khó khăn, vướng mắc**

a) Chưa có quy chế, quy định, hướng dẫn cụ thể về Công nghệ thông tin như: sử dụng Chữ ký số; số hóa hồ sơ; quy định sử dụng phần mềm,... dẫn đến các đơn vị của ngành còn lúng túng trong quá trình sử dụng và thực hiện.

b) Một số dự án công nghệ thông tin triển khai còn chậm, chưa kịp thời đáp ứng nhu cầu của các đơn vị, Viện kiểm sát các cấp.

Việc triển khai một số hạng mục đầu tư về công nghệ thông tin còn chậm tiến độ, do công tác phối hợp giữa Cục 2 và các đơn vị liên quan, nhất là Văn phòng, Cục 3 VKSND tối cao có thời điểm chưa chặt chẽ; một số nội dung chưa thống nhất, chưa kịp thời.

Trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, chưa thích ứng với sự chuyển đổi về công nghệ thông tin. Nhiều máy tính đã hết khấu hao, công nghệ lạc hậu, hoạt động thiếu ổn định làm tốc độ xử lý công việc chậm chưa thích ứng với sự chuyển đổi về công nghệ thông tin (VKSND TP. Hà Nội, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Sơn La, Khánh Hòa, Sóc Trăng, Bắc Giang, TP. Cần Thơ, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng,...).

Chưa kịp thời trang bị các trang thiết bị ghi âm, ghi hình cho việc hỏi cung bị can nên rất khó cho việc hỏi cung, đôi khi phải nhờ đến thiết bị của Công an để ghi âm, ghi hình khi hỏi cung bị can (VKSND Bến Tre, TP. Đà Nẵng, TP. Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu...). Nhiều đơn vị sử dụng trang thiết bị Hội nghị truyền hình được VKSND tối cao trang bị năm 2016, đến nay đã xuống cấp, không còn phù hợp với tình hình mới.

Cơ sở dữ liệu chưa được xây dựng chuẩn hóa, đồng bộ như Hệ thống dữ liệu chung của Ngành, giữa các Ngành, giữa Ngành và địa phương còn chưa đồng bộ, việc phối hợp khai thác gặp nhiều khó khăn. Hệ thống 11 phần mềm của VKSTC mặc dù đơn vị triển khai có nhiều thuận lợi, nhưng chưa kết nối giữa các phần mềm với nhau.

Nhu cầu số hóa trong ngành Kiểm sát nhân dân rất lớn ngoài ra đòi hỏi có sự bảo mật cao. Tuy nhiên, hiện nay chưa có biện pháp an toàn để bảo đảm trao đổi thông tin giữa các cấp đối với các dữ liệu mật dẫn đến việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số rất khó khăn.

c) Về phối hợp thực hiện thẩm định các dự án

- Về năng lực thẩm định: Một số dự án có tính chất phức tạp về chuyên môn kỹ thuật, vượt quá khả năng của công chức phòng CNTT thuộc Cục 2, do đây là nhiệm vụ mới nên cán bộ chưa có kinh nghiệm, nhiều nhiệm vụ còn mới, khó. Do đó, Cục 2 đề xuất thẩm định các dự án Công nghệ thông tin trong ngành KSND cần thành lập Hội đồng thẩm định có các đơn vị liên quan trong ngành tham gia hoặc mời các chuyên gia ngoài ngành tham gia để đảm bảo về năng lực thẩm định.

- Về thời gian thẩm định: Theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định thời gian thẩm định thiết kế cơ sở kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với các nhóm dự án không quá từ 10-20 ngày. Tuy nhiên, thời gian thẩm định của Văn phòng VKSND thường yêu cầu rất gấp, kể cả các dự án có tính chất khó, phức tạp, có những nội dung thẩm định cần phải xin ý kiến tư vấn của các chuyên gia, hay các bộ ngành liên quan, và công chức của phòng CNTT cũng đang thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nên rất khó hoàn thành đúng thời hạn.

- Về phạm vi nội dung thẩm định: Cục 2 chỉ có chuyên môn về công nghệ thông tin vì vậy chỉ thẩm định về mặt kỹ thuật, còn các vấn đề khác về quy trình nghiệp vụ, về dự toán chi tiết, đơn giá các thiết bị thì Cục 2 không có chuyên môn thẩm định; đối với quy trình nghiệp vụ kiểm sát cần phải có sự phối hợp của các đơn vị làm công tác chuyên môn trong Ngành. Tuy nhiên, hiện nay cũng chưa có cách thức hay quy trình tổ chức thẩm định các dự án CNTT.

d) Về kinh phí duy trì, nâng cấp các ứng dụng về công nghệ thông tin chưa bảo đảm yêu cầu thực tiễn. Kinh phí cho CNTT từ chi phí chi thường xuyên nên còn hạn chế, phụ thuộc vào nguồn kinh phí do VKSND tối cao cấp nên hiện nay trang bị cơ sở vật chất vẫn còn chưa đáp ứng đủ.

e) Về kỹ năng khai thác ứng dụng CNTT của một số cán bộ, Kiểm sát viên chưa nhanh, hiệu quả chưa cao. Đa số các cán bộ tại đơn vị không có kỹ



năng chuyên sâu về CNTT, chủ yếu tự học và tìm hiểu nên chưa thể nghiên cứu, tự tạo ra các phần mềm để sử dụng vào công tác chuyên môn.

f) Về nguồn nhân lực: Hầu hết các địa phương có 01 công chức ngành công nghệ thông tin phải đảm nhiệm các nhiệm vụ về công tác Chuyển đổi số của đơn vị điều này gây rất nhiều khó khăn để hoàn thành tốt công tác

## **2. Kiến nghị, đề xuất**

- Ban hành các quy định, quy chế chi tiết hơn, chặt chẽ hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin ( bao gồm cả thẩm định, triển khai, nghiệm thu.... dự án công nghệ thông tin); Xây dựng các văn bản quy định, hướng dẫn để hoàn thiện môi trường pháp lý về CNTT nhằm đẩy mạnh, tăng cường ứng dụng CNTT, thúc đẩy chuyển đổi số trong Ngành.

- Về hạ tầng kỹ thuật: hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của đơn vị còn thiếu, nhiều thiết bị do sử dụng lâu năm đã hết khấu hao, xuống cấp, thường xuyên hư hỏng, hoạt động không ổn định, vì vậy cần phải đầu tư, nâng cấp, trang bị mới để đáp ứng với việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong tình hình mới. Thiết lập mạng diện rộng (WAN) dùng chung trong ngành Kiểm sát nhân dân; trang bị máy tính nghiệp vụ và triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ, các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo quy định để cho phép tổ chức thực hiện trao đổi thông tin mật trên môi trường mạng thống nhất trong toàn Ngành. Khẩn trương triển khai Dự án ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can để trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can cho VKSND các cấp. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu, hình thành hệ thống giám sát mạng tập trung (NOC), hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung (SOC). Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật để kết nối liên thông dữ liệu với Đề án 06.

- Hình thành triển khai các nền tảng số của Ngành: Thay vì sử dụng các phần mềm riêng lẻ sẽ xây dựng các nền tảng phần mềm dùng chung (bộ các phần mềm) nhằm giải quyết dứt điểm đầu tư nhỏ lẻ của các phần mềm, tăng cường khả năng liên thông dữ liệu. Trước mắt xây dựng và triển khai nền tảng quản lý án hình sự, nền tảng quản lý án dân sự sau đó là các nền tảng khác.

- Xây dựng Trục tích hợp dữ liệu (LGSP) của Ngành nhằm liên thông dữ liệu các phần mềm hiện nay để tránh dữ liệu phải cập nhật nhiều lần và không nhất quán.

- Kiến nghị VKSNDTC nghiên cứu, triển khai phần mềm ứng dụng trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cho Kiểm sát viên phục vụ công tác chuyên môn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp và nhằm thực hiện có hiệu quả khâu đột phá về CNTT năm 2024 và những năm tiếp theo. Triển khai định danh điện tử thống nhất (SSO) để công chức thuận lợi trong quá trình sử dụng phần mềm. Hiện tại mỗi phần mềm là một tài khoản khác nhau dẫn đến việc nhầm lẫn trong quá trình truy cập.

- Yêu cầu bắt buộc khi xây dựng phần mềm có sự tham gia của các đơn vị nghiệp vụ trong từng khâu: thẩm định, kiểm thử, triển khai các dự án.

- Bảo đảm nguồn kinh phí duy trì các ứng dụng về công nghệ thông tin hàng năm và triển khai hiệu quả các dự án công nghệ thông tin của Ngành.

- Bảo đảm nguồn kinh phí bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống công nghệ thông tin ngành KSND.

- Về nguồn nhân lực: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức trong sử dụng, khai thác các ứng dụng CNTT đảm bảo có đủ kiến thức, kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị, ứng dụng CNTT được trang bị; Tăng cường công tác tập huấn chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ thông tin hàng năm để cán bộ công nghệ thông tin các địa phương được tiếp cận các chương trình ứng dụng, phần mềm mới, nâng cao trình độ trong việc quản trị hệ thống mạng, hệ thống máy chủ, bảo mật an toàn thông tin và có cơ chế, chính sách đặc thù, chế độ đãi ngộ thích đáng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin nhằm mang tính ổn định, phát triển về năng lực để phục vụ công tác lâu dài.

- VKSND tối cao phối hợp với Bộ công an, TAND tối cao, Bộ tư pháp để xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong các hoạt động giải quyết án hình sự, dân sự, hành chính, thi hành án... Thống nhất, liên thông giữa các cơ quan trong việc xây dựng dữ liệu điện tử và chuyển giao giữa các cơ quan trong lĩnh vực nghiệp vụ mới phát huy được hiệu quả.

#### **IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ NĂM 2024**

##### **1. Mục tiêu**

Ứng dụng công nghệ số hiện đại, bảo mật để đem lại kết quả công việc tốt hơn, từ công tác đảng, công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành đến công tác chuyên môn, nghiệp vụ của từng lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong ngành Kiểm sát nhân dân; hướng tới đưa toàn bộ hoạt động hành chính của Ngành lên môi trường số; từng bước ứng dụng công nghệ số trong công tác nghiệp vụ của Ngành, trong đó trọng tâm là việc quản lý, xử lý toàn trình án hình sự trên môi trường số.

##### **2. Nhiệm vụ, giải pháp đột phá**

- Người đứng đầu các đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại đơn vị mình; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số với chỉ thị, kế hoạch, chương trình công tác, mục tiêu, nhiệm vụ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tại Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

- Rà soát, sửa đổi các quy chế về nghiệp vụ theo hướng chuyển đổi số như: chế độ lập hồ sơ kiểm sát, quy định cụ thể việc tạo lập quản lý, sử dụng dữ liệu điện tử, tài liệu đã số hóa. Ban hành các quy định cụ thể về quản lý, sử dụng, quy trình vận hành, khai thác các ứng dụng hiện có và ứng dụng triển khai mới trong Ngành; Ban hành hướng dẫn mô hình chuyển đổi số Cục/ Vụ và VKSND các cấp.

- Tập trung đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo tính kế thừa, liên thông, đồng bộ, theo mô hình kết hợp giữa tập trung và phân tán; có thứ tự ưu tiên phù hợp với nguồn kinh phí đầu tư và năng lực triển khai thực hiện để đạt hiệu quả cao. Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng như: thiết lập hệ thống giám sát mạng tập trung (NOC) và hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC).

- Phát triển các ứng dụng theo hướng xây dựng nền tảng ứng dụng, đồng bộ, tích hợp, dùng chung trong toàn ngành thay vì phần mềm ứng dụng đơn lẻ. Đảm bảo chia sẻ liên thông trong nội bộ ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia. Ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của Ngành sử dụng chữ ký số để thực hiện công việc. Xây dựng hệ thống xác thực danh điện tử cho ngành Kiểm sát nhân dân. Từng bước tích hợp các nền tảng dùng chung của Ngành vào Bàn làm việc số.

- Triển khai thử nghiệm nền tảng Quản lý án hình sự trên mạng diện rộng (WAN) dùng chung của Ngành.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, hệ thống thông tin bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng của Ngành. Triển khai, tổ chức thực hiện các hạng mục về phương án, thiết bị tối thiểu phục vụ bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nghiên cứu, đề xuất kiện toàn bộ máy tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong tình hình mới.

- Tuyển dụng đủ số lượng công chức làm việc ở vị trí công nghệ thông tin tại VKSND cấp cao và VKSND cấp tỉnh. VKSND cấp huyện bố trí, giao nhiệm vụ công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Nghiên cứu, đề xuất chế độ đãi ngộ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và ổn định vị trí việc làm đối với công chức làm công nghệ thông tin của Viện kiểm sát các cấp.

- Đối với lãnh đạo, cán bộ quản lý: tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số và kỹ năng ứng dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành.; Đối với công chức, viên chức và người lao động: Tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ năng sử dụng công nghệ số trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ; ưu tiên thực hiện thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến. Đối với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin: Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao về công nghệ thông tin, quản trị mạng, an toàn thông tin và cập nhật kiến thức, công nghệ số mới (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối...).

- Ưu tiên, bố trí các nguồn kinh phí (nguồn ngân sách chi thường xuyên, vốn đầu tư công...) trong ngành Kiểm sát nhân dân cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Trên đây là Báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đột phá theo Chỉ thị công tác năm 2023 của Viện trưởng VKSND tối cao về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân của VKSND tối cao./.

**Nơi nhận :**

- Đ/c Lê Minh Trí - Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Huy Tiến - PVTTC VKSND tối cao (để b/c);
- Các Đ/c Phó Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các đơn vị thuộc VKSND tối cao (để biết);
- Viện KSND cấp cao 1, 2, 3 (để biết);
- Các Viện KSND cấp tỉnh.
- Lãnh đạo Cục 2;
- Lưu: VT, C2.

**TL. VIỆN TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM  
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**Hoàng Minh Tiến**